



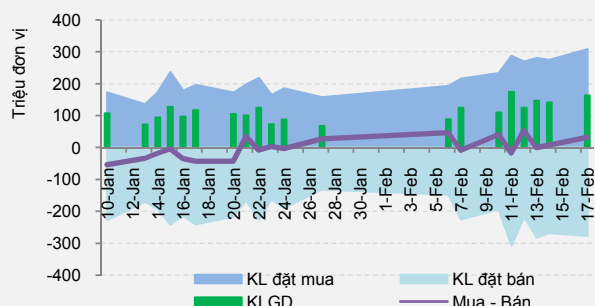
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 17/2/2014

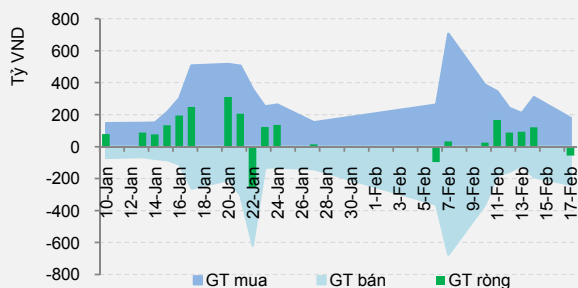
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	570.2	79.6
% Thay đổi	↓ -0.4%	↑ 1.1%
KLGD (CP)	163,684,700	103,597,381
GTGD (tỷ đồng)	2,511.50	1,014.79
Tổng cung (CP)	275,680,630	146,503,000
Tổng cầu (CP)	307,858,730	148,428,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,270,150	556,358
KL mua (CP)	7,653,250	3,319,670
GTmua (tỷ đồng)	179.60	45.73
GT bán (tỷ đồng)	236.11	10.92
GT ròng (tỷ đồng)	(56.51)	34.81

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.62%	8.3	1.8	1.5%
Công nghiệp	↑ 0.49%	221.9	1.3	21.1%
Dầu khí	↑ 2.47%	8.6	1.8	4.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.90%	16.4	2.2	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.33%	10.2	3.1	1.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.16%	13.2	4.9	8.2%
Ngân hàng	↓ -0.83%	14.8	1.3	8.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.28%	11.2	2.2	9.2%
Tài chính	↑ 0.47%	18.5	2.6	38.8%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.84%	11.5	4.1	5.2%
VN - Index	↓ -0.35%	14.4	3.0	71.2%
HNX - Index	↑ 1.12%	19.8	1.6	28.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,356,250	0.8%	2,492,520	1.5%
GTGD (tỷ VND)	23,151	0.9%	45,376	1.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Dòng tiền tại sàn HOSE tiếp tục có sự luân chuyển rõ rệt, tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, áp lực chốt lời tại nhóm cổ phiếu Bluechips sau một vài phiên tăng nóng không nhỏ. Chỉ số VN30-Index, VN-Index đóng cửa giảm điểm, trong khi VNMid-Index, VNSmall-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp. Dòng tiền luân chuyển nhanh chóng giúp giao dịch toàn thị trường tiếp tục sôi động, lực cầu vẫn được đánh giá tích cực dù áp lực cung giá cao không nhỏ. Theo quan điểm kỹ thuật, động lực tăng giá đang giảm bớt khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản 560-565 điểm, cũng như tiền gần đường biên trên của dải Bollinger Bands. Áp lực chốt lời dự báo vẫn tiếp tục diễn ra trong phiên giao dịch tới. với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực hiện tại, diễn biến giằng co dự báo không nhiều. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của thị trường là khoảng 560-565 điểm, lấp đầy khoảng trống đã diễn thiết lập trong phiên tăng giá mạnh ngày 13/2. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 590-600 điểm.

Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản cao. Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm hơn đến sàn HNX, số lượng cổ phiếu thu hút lực cầu mở rộng hơn đáng kể so với giai đoạn trước. Nhóm cổ phiếu chiếm tỷ trọng cao trong chỉ số HNX-Index như nhóm dầu khí, Ngân hàng, chứng khoán, xây dựng thu hút dòng tiền khá mạnh, cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Áp lực cung giá cao không nhỏ khi chỉ số HNX-Index tăng đến ngưỡng cản tâm lý 80 điểm, tuy nhiên điểm tích cực là lực cầu đủ sức hấp thụ áp lực cung. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 84 điểm.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị việc lựa chọn cơ hội đầu tư nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Nhà đầu tư cũng có thể xem xét chốt lời nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng, nhằm tối đa hóa hiệu quả đầu tư.

- Chỉ số VN-Index giảm 2.02 điểm (0.35%), xuống 570.20 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 572.85 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.88 điểm (1.11%), lên 79.64 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 80 điểm.

- Mỹ cam kết thông qua Hiệp định TPP trong năm 2014. Chuyến công du của Tổng thống Mỹ đến châu Á vào tháng 4/2014 được xem là mốc quan trọng cho việc kết thúc đàm phán TPP.

- Theo EPFR Global, nhà đầu tư đã rút ròng 4,5 tỷ USD khỏi các quỹ đầu tư vào các thị trường mới nổi trong tuần 10-14/2, nâng tổng lượng rút ròng trong năm nay lên 29.7 tỷ USD. Lượng rút ròng này đã cao hơn giá trị rút ròng trong cả năm 2013 (29.2 tỷ USD).

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 2.02 điểm (0.35%), xuống 570.20 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 572.85 điểm.

- KLGD tăng 16% so với phiên trước, lên 159 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 73 điểm, tâm lý nhà đầu tư vẫn khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Dòng tiền tại sàn HOSE tiếp tục có sự luân chuyển rõ rệt, tập trung vào nhóm cổ phiếu midcap, áp lực chốt lời tại nhóm cổ phiếu Bluechips sau một vài phiên tăng nóng không nhỏ. Chỉ số VN30-Index, VN-Index đóng cửa giảm điểm, trong khi VNMid-Index, VNSmall-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp. Dòng tiền luân chuyển nhanh chóng giúp giao dịch toàn thị trường tiếp tục sôi động với thanh khoản ở mức cao, lực cầu vẫn được đánh giá tích cực dù áp lực cung giá cao không nhỏ.

Theo quan điểm kỹ thuật, động lực tăng giá đang giảm bớt khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản 560-565 điểm, cũng như tiến gần đường biên trên của dải Bollinger Bands. Áp lực chốt lời dự báo vẫn tiếp tục diễn ra trong phiên giao dịch tới, với thực tế dòng tiền tham gia thị trường tích cực hiện tại, diễn biến giảm có dự báo không nhiều. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của thị trường là khoảng 560-565 điểm, lấp đầy khoảng trống đã diễn thiết lập trong phiên tăng giá mạnh ngày 13/2.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 590-600 điểm.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.88 điểm (1.11%), lên 79.64 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 80 điểm.

- KLGD giảm 6% so với phiên trước, xuống 102 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 90 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Đường MACD 9 đang nở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản cao. Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm hơn đến sàn HNX, số lượng cổ phiếu thu hút lực cầu mở rộng hơn đáng kể so với giai đoạn trước. Nhóm cổ phiếu chiếm tỷ trọng cao trong chỉ số HNX-Index như nhóm dầu khí, Ngân hàng, chứng khoán, xây dựng thu hút dòng tiền khá mạnh, cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật.

Áp lực cung giá cao không nhỏ khi chỉ số HNX-Index tăng đến ngưỡng cản tâm lý 80 điểm, tuy nhiên điểm tích cực là lực cầu đủ sức hấp thụ áp lực cung. Thị trường vẫn đang trong xu hướng tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng cần quan tâm là khoảng 84 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.24
2	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.10
3	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.38
4	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
5	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
6	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.67
7	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
8	PXT	HOSE	69.76	-76.0%	0.77	670.0%	350.52	-47.2%	1.12	-76.1%	20.3%	0.71
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.06
2	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
3	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
4	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
5	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01
6	PSI	HNX	33.2	28.9%	0.59	110.7%	150.64	19.7%	2.68	222.9%	133.3%	17.82
7	VNH	HOSE	20.84	42.1%	10.68	158.9%	84.75	-10.6%	9.38	197.3%	234.5%	2.27
8	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09
9	ITQ	HNX	164.61	14.2%	0.15	107.2%	469.7	0.7%	2.66	153.3%	22.2%	-
10	NKG	HOSE	1495.16	93.4%	13.39	128.5%	4663.45	59.3%	55.57	152.9%	148.2%	0.01

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

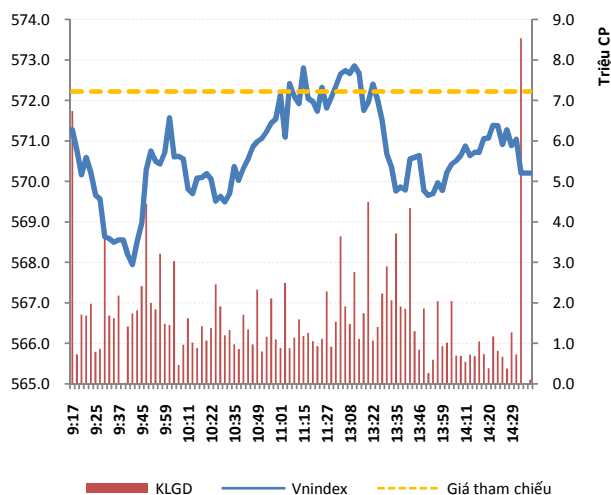
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
2	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.76
3	DRC	HOSE	790.83	20.0%	96.05	1.3%	2798.95	0.5%	375.33	20.2%	120.0%	28.13
4	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.81
5	HCM	HOSE	199.11	72.3%	101.85	165.9%	634.76	12.9%	282.17	14.5%	118.9%	49.00
6	SBT	HOSE	746.36	49.3%	107.64	-42.6%	2220.04	13.2%	239.01	-35.4%	87.3%	15.01
7	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	5.26
8	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
9	PLC	HNX	1838.41	12.6%	38.31	-3.1%	6196.32	2.2%	189.22	12.1%	106.7%	2.97
10	PGS	HNX	2101.53	27.7%	27.89	-52.3%	6937.57	8.8%	178.45	18.0%	98.6%	23.00
11	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
12	VND	HNX	76.9	78.5%	6.78	-22.8%	262.62	9.0%	124.43	58.2%	164.3%	28.11

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/02/2014

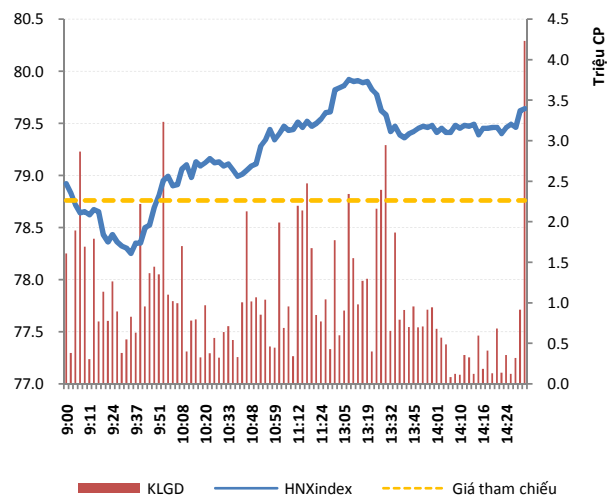


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

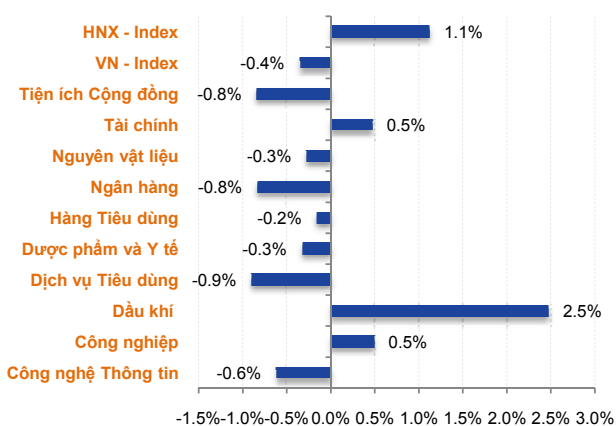
KLGD và VN-Index trong phiên



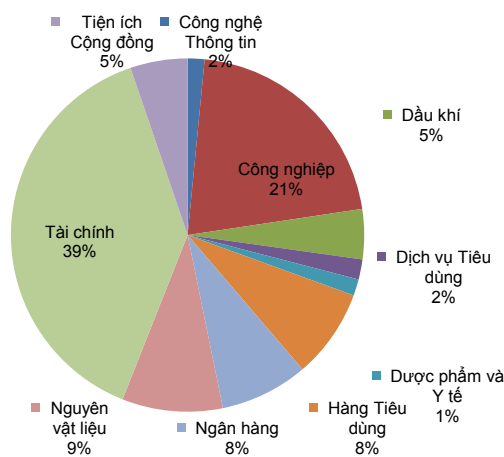
KLGD và HNX-Index trong phiên



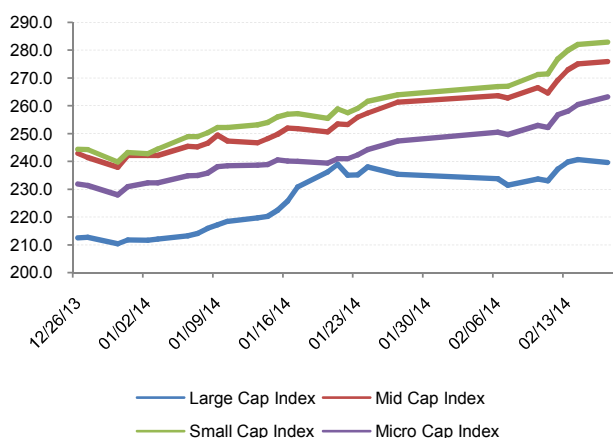
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



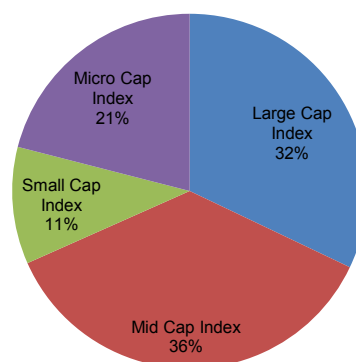
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,382,550	HAG	4,434,340
2	OGC	569,900	DPM	291,260
3	IJC	517,000	NTL	147,000
4	VCB	317,920	FCM	133,750
5	PPC	246,300	PGC	87,640

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,414,000	VND	85,010
2	VCG	433,500	PGS	62,000
3	PVS	379,800	PFL	40,000
4	PVX	274,500	SHN	25,000
5	SDT	76,700	DZM	24,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	24.9	25.9	↑ 4.02%	13,425,250
ITA	7.6	7.7	↑ 1.32%	11,364,370
FLC	10.2	10.8	↑ 5.88%	8,690,940
OGC	11.9	12.4	↑ 4.20%	5,850,350
IJC	12.0	11.9	↓ -0.83%	3,902,810

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.8	8.0	↑ 2.56%	16,534,939
PVX	3.8	3.8	→ 0.00%	14,221,525
SCR	8.5	8.9	↑ 4.71%	9,653,573
KLS	11.1	11.5	↑ 3.60%	5,911,936
VCG	13.8	13.8	→ 0.00%	5,354,016

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBB	24.3	26.0	1.7	↑ 7.00%
HT1	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
CNG	44.7	47.8	3.1	↑ 6.94%
DRH	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
KSH	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C92	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%
CX8	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
HHG	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
HPC	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
LDP	51.0	56.1	5.1	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SC5	24.5	22.8	-1.7	↓ -6.94%
FDC	23.8	22.2	-1.6	↓ -6.72%
SII	22.2	20.8	-1.4	↓ -6.31%
ASIAGF	9.6	9.0	-0.6	↓ -6.25%
VNA	3.2	3.0	-0.2	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QST	12.2	11.0	-1.2	↓ -9.84%
BBS	21.5	19.4	-2.1	↓ -9.77%
NGC	12.6	11.4	-1.2	↓ -9.52%
VC7	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%
V21	5.5	5.0	-0.5	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	13,425,250	8.0%	1,372	18.9	1.4
ITA	11,364,370	0.7%	74	103.9	0.7
FLC	8,690,940	6.3%	607	17.8	0.7
OGC	5,850,350	-1.8%	(196)	-	1.2
IJC	3,902,810	5.4%	592	20.1	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	16,534,939	7.6%	854	9.4	0.7
PVX	14,221,525	-92.1%	(5,013)	-	1.0
SCR	9,653,573	0.4%	53	167.9	0.6
KLS	5,911,936	5.5%	716	16.1	0.8
VCG	5,354,016	10.0%	1,233	11.2	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	↑ 7.0%	11.7%	6,479	4.0	0.7
HT1	↑ 6.9%	0.1%	13	612.3	0.8
CNG	↑ 6.9%	30.1%	4,734	10.1	2.9
DRH	↑ 6.9%	0.6%	62	49.9	0.3
KSH	↑ 6.9%	1.6%	155	40.0	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
C92	↑ 10.0%	16.8%	2,224	9.4	1.0
CX8	↑ 10.0%	1.5%	214	20.6	0.3
HHG	↑ 10.0%	1.7%	164	20.1	0.3
HPC	↑ 10.0%	5.5%	385	14.3	0.8
LDP	↑ 10.0%	23.6%	5,289	10.6	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,382,550	0.7%	74	103.9	0.7
OGC	569,900	-1.8%	(196)	-	1.2
IJC	517,000	5.4%	592	20.1	1.1
VCB	317,920	9.8%	1,757	16.4	1.6
PPC	246,300	34.2%	5,128	5.1	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,414,000	7.6%	854	9.4	0.7
VCG	433,500	10.0%	1,233	11.2	1.1
PVS	379,800	21.0%	5,091	5.9	1.6
PVX	274,500	-92.1%	(5,013)	-	1.0
SDT	76,700	13.8%	2,905	6.0	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	156,338	40.8%	6,535	12.6	4.7
VNM	116,685	39.6%	7,839	17.9	6.7
VIC	69,579	47.1%	6,709	11.4	4.3
MSN	68,347	3.0%	611	152.1	4.6
VCB	66,742	9.8%	1,757	16.4	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	6.6%	886	18.2	1.2
PVS	13,401	21.0%	5,091	5.9	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	7,089	7.6%	854	9.4	0.7
OCH	6,140	5.9%	687	44.7	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.08	13.0%	1,454	8.1	1.1
DRH	3.09	0.6%	62	49.9	0.3
VNG	2.95	0.2%	16	375.9	0.6
DHC	2.80	12.8%	1,803	6.3	0.8
PXM	2.75	670.8%	(12,445)	-	(0.3)

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	7.43	0.4%	42	130.2	0.5
HHG	4.28	1.7%	164	20.1	0.3
QCC	4.03	1.9%	268	13.8	0.3
SHN	3.78	1.9%	52	100.0	1.9
YBC	3.76	-94.4%	(4,398)	-	2.1



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)